TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 09 - 02 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 04/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Minh P, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983 - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/02/2017 tại Văn phòng công chứng Thủ Đức) (vắng mặt).

2. Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị Hoàng Y; sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thế P, sinh năm 1980 – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/05/2017 tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh) (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Lê Hoàng Minh P có bà Phạm Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông P là bạn và có mối quan hệ làm ăn chung với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Hoàng Y.

Tại Giấy mượn tiền ghi ngày 02/11/2016, ông Lê Hoàng Minh P cho bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, cũng tại giấy mượn tiền này đến ngày 08/11/2016, ông T nhận thêm của ông P số tiền là 200.000.000 đồng và ngày 14/11/2016, ông T tiếp tục gặp và vay của ông P thêm số tiền là 300.000.000 đồng. Bà Y, ông T hẹn sẽ trả lại số tiền trên trong vòng 10 ngày với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Tại Giấy mượn tiền ghi ngày 30/11/2016, ông P cho bà Y và ông T vay thêm số tiền 1.690.000.000 đồng, thời hạn vay trong vòng 20 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để giải quyết chuyện gia đình.

Đã hết thời hạn vay, mặc dù ông P đã nhiều lần yêu cầu bà Y và ông T trả nợ nhưng bà Y, ông T vẫn cố tình trốn tránh và không chịu trả nợ cho ông P.

Ông Lê Hoàng Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T trả toàn bộ số tiền gốc các lần vay là 1.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016 và 1.690.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 30/11/2016, tổng cộng là 3.190.000.000 đồng. Buộc bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T trả cùng với tiền gốc số tiền lãi tương ứng với mức mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay đến thời điểm xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Yêu cầu trả làm một lần, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Hoàng Y có ông Nguyễn Thế P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/11/2016, bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T có đến nhà ông Lê Hoàng Minh P để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, ông T ký nhận thêm 2 lần nữa là 200.000.000 đồng (ngày 08/11/2016) và 300.000.000 đồng (ngày 14/11/2016) với lãi suất thỏa thuận là 0,5%/ngày. Đến ngày 30/11/2016, ông P tính tiền lãi là 192.000.000 đồng, ông P bớt cho bà Y, ông T 2.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi của Giấy mượn tiền ghi ngày 02/11/2016 là 1.690.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2017, bà Y có nhờ người em tên Sơn trả cho ông P số tiền 25.000.000 đồng và ông P đã nhận thế chấp 01 mảnh đất ở huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 500 m^2.

Đối với Giấy mượn tiền ghi ngày 30/11/2016 bà Y, ông T ký mượn của ông P với số tiền 1.690.000.000 đồng. Bản chất thật của giấy mượn tiền này là do ông P chốt lại số tiền vay gốc và lãi của giấy mượn tiền ngày 02/11/2016, cụ thể là 1.500.000.000 đồng tiền gốc cộng 190.000.000 đồng tiền lãi (Tổng cộng: 1.500.000.000 + 190.000.000 = 1.690.000.000 đồng).

Về nguyên tắc là khi ông T và bà Y ký lại giấy mượn tiền mới vào ngày 30/11/2016 thì ông P phải hủy ngay giấy mượn tiền cũ ký ngày 02/11/2016. Tuy nhiên, trong trường hợp này vì quá tin tưởng ông P nên bà Y, ông T không lấy lại giấy mượn tiền cũ ký ngày 02/11/2016 cho nên ông P đã khởi kiện bà Y, ông T đối với hai giấy mượn tiền nêu trên với số tiền là 3.690.000.000 đồng.

Bà Y và ông T là hai cá nhân độc lập, có tài sản riêng và tự chịu trách nhiệm về hành vi đối với tài sản của mình nên bà Y chỉ chịu trách nhiệm cá nhân đối với tranh chấp liên quan đến mình. Cụ thể, bà Y đồng ý trả cho ông P số tiền 750.000.000 đồng cộng tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật theo Giấy mượn tiền ghi ngày 02/11/2016.

Tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hoàng Y có mối quan hệ là bạn bè.

Vào ngày 02/11/2016 ông và bà Y có vay của ông P số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 08/11/2016 ông có nhận thêm 200.000.000 đồng và ngày 14/11/2016 nhận thêm 300.000.000. Tổng cộng là 1.500.000.0000 đồng.

Ngày 30/11/2016, ông T, bà Y và ông P có lập lại giấy mượn tiền nhằm xác nhận số tiền đã mượn của ông P là 1.500.000.000 đồng cộng 169.000.000 đồng tiền lãi là 1.669.000.000 đồng, thỏa thuận miệng với lãi suất 0,5%/ngày. Sau khi ký giấy mượn tiền xong thì ông T, bà Y vì tin tưởng ông P không thu hồi lại tờ giấy mượn tiền cũ đã ký ngày 02/11/2016.

Ông P khởi kiện yêu cầu ông T và bà Y trả số tiền 3.190.000.000 đồng của hai giấy mượn tiền đề ngày 02/11/2016 và ngày 30/11/2016, ông T không đồng ý vì thực tế ông T và bà Y chỉ mượn số tiền là 1.500.000.000 và tiền lãi phát sinh là 169.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Chi trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Hoàng Minh P, bà không có liên quan đến việc vay tiền giữa ông P với bà Y, ông T. Do đó, bà không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng Minh P có bà Phạm Thị L là đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt và gửi kèm bảng tính

lãi tiền nợ vay, qua đó xác định yêu cầu và tạm tính số tiền lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Cụ thể:

Về lãi suất: Số tiền lãi được tính từ ngày 21/12/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 09/02/2018) tương ứng với số nợ gốc của tất cả các lần vay là 3.190.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm là: 325.969.931 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T cầu phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 3.190.000.000 đồng + 325.969.931 đồng = 3.515.969.931 đồng, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2017 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản là thửa đất số 1007, tờ bản đồ số 5 (TL 2) tọa lạc tại xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 5000m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 204482 (số vào sổ 224 QSDĐ/1B) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 07/6/2002, cập nhật thay đổi ngày 20/5/2017 của bà Lê Thị Hoàng Y quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Hoàng Y có ông Nguyễn Thế P là đại diện theo ủy quyền và bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng Minh P đối với với bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T, tranh chấp được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Lê Thị Hoàng Y có địa chỉ cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thế P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Hoàng Y và bị đơn ông Nguyễn Văn T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia đối chất ngày 20/12/2018; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 22/01/2018 và ngày 09/02/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngày 19/10/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim Chi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngày 09/02/2018, bà Phạm Thị L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016 và 1.690.000.0000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 30/11/2016. Tổng cộng là 3.190.000.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Tại Giấy mượn tiền ghi ngày 02/11/2016 thể hiện bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T có vay của ông Lê Hoàng Minh P các lần tổng cộng số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/ngày. Như vậy, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Y và ông T xác nhận tính xác thực của Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016, thừa nhận có vay của ông P số tiền 1.500.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông P số tiền này. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016.

Đối với Giấy mượn tiền ghi ngày 30/11/2016, nội dung Giấy mượn tiền thể hiện ông T và bà Y vay của ông P số tiền 1.690.000.000 đồng với thời hạn vay là 20 ngày và lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận và điểm chỉ của bà Y và ông T. Tuy nhiên, ông T và bà Y không thừa nhận việc vay số tiền nêu trên vì cho rằng Giấy mượn tiền này thực chất là do bà Y, ông T và ông P lập là để chốt lại số tiền nợ của giấy mượn tiền ghi ngày 02/11/2016. Do đó, thực chất bà Y và ông T không vay ông P số tiền

1.690.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền nêu trên.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự các phiên hòa giải, tham gia đối chất để yêu cầu ông T và bà Y cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhằm làm rõ việc vay số tiền nêu trên. Tuy nhiên, bà Y và ông T vắng mặt nên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Giấy mượn tiền ngày 30/11/2016 là để chốt lại số nợ gốc và lãi của Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến này của bị đơn.

Bà Y cho rằng vào ngày 26/01/2017 đã nhờ người em tên Sơn trả cho ông P 25.000.000 đồng và ông P đã nhận thế chấp 01 mảnh đất ở huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 500 m^2. Lời trình bày này không được nguyên đơn ông P thừa nhận và bà Y cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất khi vay tiền cũng như việc đã trả số tiền 25.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày này của bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông P cho bà Y và ông T vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016 và 1.690.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 30/11/2016 là có thật. Thời hạn vay đã hết nhưng bà Y và ông T không trả nợ cho ông P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005.

Tại các Giấy mượn tiền ngày 02/11/2016 và ngày 30/11/2016 đều thể hiện bà Y và ông T cùng đứng ra vay tiền của ông P, các bên cùng ký xác nhận và điểm chỉ vào cuối Giấy mượn tiền. Các lần ông T nhận thêm số tiền 200.000.000 đồng ngày 08/11/2016 và 300.000.000 đồng ngày 14/11/2016, bà Y đều biết (thể hiện tại bản tự khai của bà Y ngày 16/3/2017). Bên cạnh đó, bà Y cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền này là khoản vay riêng của ông T. Do đó, có cơ sở xác định đây là khoản vay chung của bà Y và ông T nên yêu cầu của nguyên đơn ông P buộc bị đơn bà Y và ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 3.190.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn ông P chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 21/12/2016 đối với tất cả các lần vay là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 nên được chấp nhận.

Như vậy, thời gian vay tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 09/02/2018): 01 năm 01 tháng 19 ngày. Do đó, tiền lãi: 3.190.000.000 đồng x 9%/năm x 01 năm 01 tháng 19 ngày = 325.969.931 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 3.190.000.000 đồng + 325.969.931 đồng = 3.515.969.931 (ba tỉ năm trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt) đồng

Xét việc vay mượn đã lâu nhưng bà Y và ông T không thực hiện việc trả nợ cho ông P làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P. Do dó, yêu cầu của ông P về việc buộc bà Y và ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho

ông toàn bộ số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

Để đảm bảo cho việc trả nợ của bị đơn, xét thấy đề nghị của nguyên đơn về việc tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật nên cần giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 08/02/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông P được chấp nhận nên bị đơn bà Y và ông T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phả trả cho ông P. Hoàn lại cho ông P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Quyết định số 2868/NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

- Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng Minh P:

Bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 3.190.000.000 (ba tỉ một trăm chín mươi triệu) đồng và tiền lãi là 325.969.931 (ba trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt) đồng. Tổng cộng là 3.515.969.931 (ba tỉ năm trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi mốt) đồng, trả làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Lê Hoàng Minh P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bà Y, ông T còn phải trả lãi đối với

số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2017 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản là thửa đất số 1007, tờ bản đồ số 5 (TL 2) tọa lạc tại xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 5000m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 204482 (số vào sổ 224 QSDĐ/1B) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 07/6/2002, cập nhật thay đổi ngày 20/5/2017 của bà Lê Thị Hoàng Y.

Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 08/02/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Hoàng Minh P được nhận lại số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tại tài khoản là sổ tiết kiệm có kỳ hạn số: AD 0001780219, số tài khoản: 6280683048556; tên chủ sổ tiết kiệm: Lê Hoàng Minh P; ngày phát hành: 08/02/2017 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thông – Chi nhánh Đông Sài Gòn; địa chỉ: Số 96 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 102.319.399 (một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi chín) đồng. Bà Y, ông T chưa nộp án phí.

Hoàn lại cho ông Lê Hoàng Minh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.900.000 (bốn mươi bảy triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0004761 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc